

恒利會計與顧問有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD



稅務新知 AC-2101 Điểm tin Thuế

標題 Tiêu đề	對於輔助工業產品生產預案優惠企業所得稅規定之變更內容摘要（第 57/2021/NĐ-CP 號議定） NỘI DUNG TÓM TẮT THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ ƯU ĐÃI THUẾ TNDN ĐỐI VỚI DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ
編撰 Người soạn	經理 阮維成 會計師 Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及範圍 Phạm vi liên quan	越南稅務、越南企業所得稅、越南稅務優惠 Thuế Việt Nam, Thuế TNDN Việt Nam, Ưu đãi thuế Việt Nam

A.

優先發展補助工業產品生產預案之企業所得稅優惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

A. 本議定再補充於第 218/2013/NĐ-CP 號議定第 20 條 2 款 g 點旨在明確引導對於**優先發展補助工業產品（新投資及擴大投資）生產預案之企業所得稅優惠政策**，獲享優惠包括以下應注意各條件：

Nghị định bổ sung thêm điểm g vào khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP nhằm hướng dẫn rõ chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với **dự án (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển**, ưu đãi được hưởng gồm các điều kiện cần lưu ý như sau:

- 優先發展補助工業產品清單（見 2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 號議定之附錄 1）。

Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển (Xem phụ lục 1 đính kèm – trích dẫn từ nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015).

- 預案（新投資及擴大投資）必須於 2015/01/01 之前執行但之後才獲核發優惠確認書。生產屬於優先發展補助工業產品清單之補助工業產品預案：包括新投資預案、擴大投資及創新工藝有應用新設備、新生產流程、生產產品增加生產能力至少 20% 之預案（2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 號議定第 11 條 1 款）。

Dự án (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) phải thực hiện từ trước 1/1/2015 nhưng sau này mới được cấp giấy xác nhận ưu đãi. Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển: Bao gồm dự án đầu tư mới, dự án mở rộng và đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới, sản xuất sản phẩm với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%. (Khoản 1, điều 11, nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015).

A.

優先發展補助工業產品生產預案之企業所得稅優惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

- 對於屬於優先發展補助工業產品清單之補助工業產品生產預案必須有由工商部核發之優惠確認書（詳見對於補助工業產品生產預案之核發優惠確認書手續）。

Phải có giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Bộ công thương cấp. (Xem thêm thủ tục giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ)

- 此預案未獲享任何優惠則獲審查享有生產補助工業產品之優惠從出具優惠確認書之計稅期算起。

Dự án này chưa được hưởng bất kỳ ưu đãi thuế nào thì được xét hưởng ưu đãi theo diện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế có giấy xác nhận ưu đãi.

例如 1: 2010 年，企業在非屬稅優惠清單地區落實擴大投資預案。

Ví dụ 1: Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế.

在 2011 年計稅期，預案衍生營業額及課稅所得。

Trong kỳ tính thuế năm 2011, dự án phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế.

計至 2016 年計稅期，來自預案之所得未獲享企業所得稅之優惠。

Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2016, thu nhập từ dự án chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

A.

優先發展補助工業產品生產預案之企業所得稅優惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

在2017年計稅期，預案獲核發生產輔助工業產品之優惠確認。據此，從2017年計稅期起預案獲依擴大投資生產輔助工業產品預案之條件享有企業所得稅之優惠。獲享優惠時間獲確認如下：從2017年至2020年計稅期免企業所得稅4年，從2021年計稅期起後續9年減應納企業所得稅金之50%。

Trong kỳ tính thuế năm 2017, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế năm 2017. Thời gian ưu đãi được hưởng được xác định như sau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2017 đến năm 2020, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo tính từ kỳ tính thuế năm 2021.

若此預案已依其他優惠條件（若有）享有優惠則獲繼續在餘下期限依生產輔助工業產品之條件享有優惠從具備優惠確認之計稅期算起。

Nếu dự án này đã hưởng hết ưu đãi thuế theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có) thì được hưởng tiếp ưu đãi theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế có giấy xác nhận ưu đãi.

例如 2：2010年，企業在獲優惠企業所得稅之工業區內落實新投資預案。

Ví dụ 2: Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn Khu công nghiệp được ưu đãi thuế TNDN.

在2012年計稅期，預案衍生課稅所得。

Trong kỳ tính thuế năm 2012, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế.

A.

優先發展補助工業產品生產預案之企業所得稅優惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

在 2015 年計稅期，預案獲依工業區條件享有免 2 年企業所得稅之優惠，從 2015 年計稅期起後續 04 年減應納企業所得稅金之 50%。如此企業還獲在 3 年（從 2015 年至 2017 年）減應納企業所得稅金之 50%。計至 2017 年計稅期，預案已依工業區之條件享有優惠。

Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm tiếp theo cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015. Như vậy doanh nghiệp còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm (từ năm 2015 đến năm 2017). Đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng hết ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp.

在 2018 年計稅期，預案獲核發生產補助工業產品之優惠確認書。據此，從 2018 年計稅期起之餘下時間預案獲依生產補助工業產品新投資預案之條件享有企業所得稅之優惠。餘下優惠時間獲確認如下：從 2018 年計稅期起 15 年內之企業所得稅稅率為 10%（由於之前優惠未獲享稅率之優惠）；從 2018 年計稅期起免企業所得稅 02 年（按照補助工業場合為免 04 年扣除工業區之免 02 年），後續 05 年減應納企業所得稅金之 50%（按照補助工業場合 09 年內減 50% 扣除工業區之免 04 年）。

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018 (do ưu đãi trước chưa hưởng ưu đãi về thuế suất); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018 (miễn theo diện công nghiệp hỗ trợ là 4 năm trừ 2 năm miễn đã được hưởng theo địa bàn khu công nghiệp), giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo (giảm 50% trong 9 năm theo diện công nghiệp hỗ trợ trừ 4 năm giảm theo địa bàn khu công nghiệp).

A.

優先發展補助工業產品生產預案之企業所得稅優惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

- 若此預案依其他條件正享有稅優惠期間則獲在餘下期限轉為依生產輔助工業產品之條件享有優惠從具備優惠確認書之計稅期算起。
Nếu dự án này đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện khác thì được chuyển sang hưởng ưu đãi theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế có giấy xác nhận ưu đãi.

例如 3: 2014 年，企業在經濟-社會條件有困難之地區落實新投資預案。

Ví dụ 3: Năm 2014, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

在 2014 年計稅期，預案衍生營業額。

Trong kỳ tính thuế năm 2014, dự án phát sinh doanh thu.

在 2015 年計稅期，預案衍生課稅所得。

Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế.

預案獲依經濟-社會有困難地區之條件享有優惠，具體：從 2014 年計稅期起 10 年內適用 20% 之稅率（從 2016 年計稅期起適用 17% 稅率）；從 2015 年計稅期免 02 年企業所得稅，後續 04 年減應納稅金之 50%。計至 2017 年計稅期，預案已獲享優惠：優惠稅率年數 04 年，免企業所得稅年數 02 年，減企業所得稅年數 01 年。

Dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cụ thể: thuế suất 20% trong thời gian 10 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2014 (kể từ kỳ tính thuế 2016 áp dụng thuế suất 17%); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế 2015, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng ưu đãi: số năm thuế suất ưu đãi 04 năm, số năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, số năm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm.

A.

優先發展補助工業產品生產預案之企業所得稅優惠政策 Chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển

在 2018 年計稅期，預案獲核發生產輔助工業產品之優惠確認書。據此，從 2018 年計稅期起之餘下時間預案獲依生產輔助工業產品之條件享有企業所得稅之優惠。餘下優惠時間獲確認如下：從 2018 年計稅期起 11 年內之企業所得稅稅率為 10%；從 2018 年計稅期起免企業所得稅 02 年，後續 08 年減應納企業所得稅金之 50%。

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 11 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018 (; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2018, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 08 năm tiếp theo.

B.

核發優惠確認書之相關問題

Các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy xác nhận ưu đãi

B. 2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 號議定第 11 條 2、3、4、5 款明確規定對於生產輔助工業產品預案之手續、卷宗及核發優惠確認書之解決時間：

Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 tại khoản 2, 3, 4, 5 điều 11 qui định rõ thủ tục, hồ sơ và thời gian giải quyết việc cấp giấy xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ:

- 確認優惠手續：

Thủ tục xác nhận ưu đãi:

- a) 中小企業生產屬於優先發展輔助工業產品清單之輔助工業產品各預案可以送申請確認卷宗於設置預案當地之權責機關或工商部以獲確認。當地之權責機關寄優惠確認決定至工商部；

Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi đặt dự án hoặc Bộ Công Thương để được xác nhận. Cơ quan có thẩm quyền của địa phương gửi Quyết định xác nhận ưu đãi tới Bộ Công Thương;

- b) 上項所規定各對象以外之餘下各對象，送申請確認卷宗於工商部。

Các đối tượng còn lại ngoài các đối tượng quy định ở mục trên, nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tại Bộ Công Thương.

- 確認優惠時間：

Thời gian xác nhận ưu đãi:

- a) 根據企業之優惠申請確認卷宗；在 30 個工作天內，確認機關有責任向企業通知結果；

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp; trong thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan xác nhận có trách nhiệm thông báo kết quả cho doanh nghiệp;

B.

核發優惠確認書之相關問題

Các vấn đề liên quan đến việc cấp giấy xác nhận ưu đãi

b) 若卷宗不足够確認優惠條件之依據，從收到卷宗後05個工作天內，確認機關必須以書面通知相關組織、個人以補充卷宗；當具備足够合規卷宗後則確認機關必須從收到足够補充卷宗後最遲 30 個工作天內通知優惠審查結果。 Trường hợp hồ sơ chưa đủ cơ sở để xác nhận đủ điều kiện ưu đãi, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan xác nhận phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân có liên quan để bổ sung hồ sơ; sau khi có đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan xác nhận phải ra thông báo kết quả xét duyệt ưu đãi chậm nhất sau 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung.

- 優惠後檢：

Hậu kiểm ưu đãi:

生產屬於優先發展清單之輔助工業各產品預案但不因應各優惠條件將被收回並償還已獲享各優惠。

Dự án sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục ưu tiên phát triển nhưng không đáp ứng đủ các điều kiện ưu đãi sẽ bị thu hồi và bồi thường các ưu đãi đã được hưởng.

- 卷宗成份、送件各步驟見附錄 2。

Thành phần hồ sơ, các bước nộp hồ sơ xem phụ lục 2.

備註：由於計算優惠期是非常重要，我們謹建議如企業有對此議定內容有疑問應參考原文或諮詢專業人員以正確應對，從而依法律之規定執行，更歡迎貴司直接聯系我司以獲得協助及專業意見。

Note: Nhân đây, do việc tính thời gian miễn giảm thuế rất quan trọng, chúng tôi cũng xin khuyến cáo doanh nghiệp nếu có phát sinh vấn đề nêu trên nên tham khảo đến văn bản gốc và người có chuyên môn để có hướng dẫn chính xác hơn, từ đó thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Quý doanh nghiệp cũng có thể liên hệ trực tiếp với chuyên viên của chúng tôi để được hỗ trợ và tư vấn thêm, đồng thời cung cấp ý kiến chuyên môn cho Quý doanh nghiệp.

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

(Ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ)

(頒行附訂於政府 2015 年 11 月 03 日 第 111/2015/NĐ-CP 號議定)

一、紡織-成衣業：

Ngành Dệt - May:

- 天然纖維：棉、黃麻、麻、蠶絲；
Xơ thiên nhiên: Bông, đay, gai, tơ tằm;
- 合成纖維：PE、粘膠纖維；
Xơ tổng hợp: PE, Viscose;
- 針織紗、機織紗；高強力滌綸紗、高強力氨綸紗、尼龍；
Sợi dệt kim, sợi dệt thoi; sợi Polyester có độ bền cao, sợi Spandex, nylon có độ bền cao;
- 面料：技術面料、不織布、針織布、機織布；
Vải: Vải kỹ thuật, vải không dệt, vải dệt kim, vải dệt thoi;
- 紡織業之縫紉線；
Chỉ may trong ngành dệt may;
- 服務染整業之化學品、助劑、染料；
Hóa chất, chất trợ, thuốc nhuộm phục vụ ngành nhuộm hoàn tất vải;
- 成衣業輔料：鈕扣、墨西哥、拉鍊、鬆緊帶。
Phụ liệu ngành may: Cúc, mex, khóa kéo, băng chun.

二、皮革-鞋業：

Ngành da-giày

- 鞣製皮革；
Da thuộc;
- 人造革；
Vải giả da;

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 鞋底、鞋尖、鞋帶；
Đế giày, mũi giày, dây giày;
- 鞣製化學品；
Hóa chất thuộc da;
- 鹽皮；
Da muối;
- 縫鞋用綫；
Chỉ may giày;
- 粘鞋膠水，裝飾配件如：搭扣、孔眼、鉤子等等。
Keo dán giày, Phụ liệu trang trí như khóa, khoen, móc...

三、電子業：

Ngành điện tử:

- 基礎電子-光電元件：晶體管、集成電路、傳感器、電阻、電容、二極管、天線、晶閘管；
Linh kiện điện tử - quang điện tử cơ bản: Transistor, mạch tích hợp, cảm biến, điện trở, tụ, điôt, ăngten, thyristor;
- 石英組件；
Linh kiện thạch anh;
- 電子線路；
Vi mạch điện tử;
- 製造電子元件材料：半導體、硬磁材料、軟磁材料、正極絕緣體；
Vật liệu sản xuất linh kiện điện tử: Chất bán dẫn, vật liệu từ cứng, vật liệu từ mềm, chất cách điện tích cực;
- 電子產品零件：塑料零件、橡膠零件、機-電子零件、玻璃零件；
Linh kiện sản phẩm điện tử: Linh kiện nhựa, linh kiện cao su, chi tiết cơ - điện tử, linh kiện kính;

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 用於筆記本電腦、手機之電池；
Pin dùng cho máy vi tính xách tay, điện thoại di động;
- 電線及電纜、LED 燈、手機耳機及音箱；
Dây và cáp điện, đèn led, tai nghe điện thoại và loa;
- 手機充電器；
Sạc pin điện thoại;
- 各種屏幕。
Màn hình các loại.

四、汽車生產組裝業：

Ngành sản xuất lắp ráp ô tô:

- 引擎及引擎配件：缸體、活塞、曲軸、連桿、齒輪、排氣管總成、氣缸、氣缸蓋總成、凸輪軸、活塞環、引擎氣門；
Động cơ và chi tiết động cơ: Thân máy, piston, trục khuỷu, thanh truyền, bánh răng, cụm ống xả, xi lanh, cụm đầu xi lanh, trục cam, xéc-măng, van động cơ;
- 潤滑系統：機油濾清器、冷卻器、散熱器、油泵、閥門；
Hệ thống bôi trơn: Bộ lọc dầu, bộ làm mát, bộ tản nhiệt, bơm dầu, các loại van;
- 冷卻系統：散熱器、水箱、鼓風機、恆溫閥、水泵；
Hệ thống làm mát: Bộ tản nhiệt, két nước, quạt gió, van hằng nhiệt, bơm nước;
- 供油系統：油箱、燃油濾清器、空氣濾清器、燃油泵管道、化油器、燃油噴射系統；
Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Thùng nhiên liệu, bộ lọc nhiên liệu, bộ lọc không khí, ống dẫn bơm nhiên liệu, bộ chế hòa khí, hệ thống phun nhiên liệu;
- 框架-車身-車門：沖壓板、底盤、車廂、上下台階、車門總成等套件；
Khung - thân vỏ - cửa xe: Các chi tiết dạng tấm đột dập, sắt xi, thùng xe tải, bậc lên xuống, cụm cửa xe;

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 懸掛系統：鑷子、彈性彈簧、減震器；
Hệ thống treo: Nhíp, lò xo đàn hồi, bộ giảm chấn;
- 車輪：輪胎、鋁合金輪輞；
Bánh xe: Lốp xe, vành bánh xe bằng hợp kim nhôm;
- 動力系統：離合器、變速箱、車橋、車軸；
Hệ thống truyền lực: Ly hợp, hộp số, cầu xe, trục các đăng;
- 驅動系統；
Hệ thống lái;
- 制動系統；
Hệ thống phanh;
- 電-電子零件：
Linh kiện điện - điện tử:
 - + 電源：電池、發電機；
Nguồn điện:Ắc quy, máy phát điện;
 - + 點火裝置：火花塞、高壓、變壓器；
Thiết bị đánh lửa: Bugi, cao áp, biến áp;
 - + 啟動繼電器，啟動電機；
Role khởi động, động cơ điện khởi động;
 - + 電線、連接器、保險絲、傳感器、自動控制設備、處理器。
Dây điện, đầu nối, cầu chì, các loại cảm biến, thiết bị tự động điều khiển, bộ xử lý.
- 照明及信號系統：各種燈、喇叭、儀表；
Hệ thống chiếu sáng và tín hiệu: Đèn, còi, đồng hồ đo các loại;
- 汽車尾氣處理系統；
Hệ thống xử lý khí thải ô tô;

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 汽車塑料零件；
Linh kiện nhựa cho ô tô;
- 橡膠零件、減震材料；
Linh kiện cao su, vật liệu giảm chấn;
- 擋風玻璃、雨刷、汽車座椅。
Kính chắn gió, cần gạt nước, ghế xe.

五、機器製造業：

Ngành Cơ Khí Chế Tạo:

- 模具、治具：沖壓模具、鑄造模具、加工治具、檢驗治具；
Khuôn mẫu, đồ gá: Khuôn dập, khuôn đúc, đồ gá gia công, đồ gá kiểm tra;
- 工具 - 刀具：車床、銑刀、鑽頭；
Dụng cụ - dao cắt: Dao tiện, dao phay, mũi khoan;
- 機械加工機、焊接機零配件；
Linh kiện và phụ tùng máy gia công cơ khí, máy hàn;
- 發動機、農業機械、造船之零配件；
Linh kiện và phụ tùng máy động lực, máy nông nghiệp, đóng tàu;
- 農林漁業及鹽業加工機械設備、零配件；
Linh kiện và phụ tùng máy, thiết bị chế biến nông lâm thủy sản và muối;
- 使用於機械之測量、測試儀器：標尺、3D 測量儀、金屬成分分析儀、超聲波焊機；
Dụng cụ đo lường, kiểm tra dùng trong cơ khí: Thước đo, máy đo 3 chiều, máy phân tích thành phần kim loại, máy siêu âm môi hàn;
- 機器套件：高強度螺栓、高強度螺絲、軸承、軸承環、齒輪、閥門、各種接頭、機器外殼、沖壓套件、變速箱、液壓缸；
Chi tiết máy: Bu lông cường độ cao, ốc vít cường độ cao, ổ bi, bạc lót, bánh răng, van, khớp các loại, vỏ máy, chi tiết đột dập, hộp biến tốc, xi lanh thủy lực;

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 製造鋼。
Thép chế tạo.

六、高科技工業之輔助工業產品：

Các Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Cho Công Nghiệp Công Nghệ Cao

- 各種模具：高精密度模具、高精密度塑膠模具；
Các loại khuôn mẫu: Khuôn mẫu có độ chính xác cao, khuôn đúc nhựa có độ chính xác cao;
- 各種標準高品質機械零配件：用於電子設備、機電子、醫療電子、工業機械人之高精密度螺母、螺栓、螺絲；
Các loại chi tiết cơ khí tiêu chuẩn chất lượng cao: Các loại đai ốc, bu lông, ốc vít có độ chính xác cao dùng cho các thiết bị điện tử, cơ điện tử, điện tử y tế, rô bốt công nghiệp;
- 用於設備開發各種設備之電子元件、微電子電路：外圍設備、電腦、家用電子產品、視聽設備、太陽能電池；各種微處理器芯片；控制器（PLC可編程控制器、CNC控制器等等）；
Các loại linh kiện điện tử, mạch vi điện tử để phát triển các thiết bị: Thiết bị ngoại vi, máy vi tính, đồ điện tử gia dụng, thiết bị nghe nhìn, pin mặt trời; các loại chip vi xử lý; các bộ điều khiển (Bộ điều khiển khả trình PLC, bộ điều khiển CNC, ...);
- 用於新能源及再生能源發電設備系統之組件、配件；
Các cụm linh kiện, phụ tùng cho hệ thống thiết bị sản xuất điện năng từ năng lượng mới và năng lượng tái tạo;
- 優質塑料零件：精密驅動器，耐用及壽命長、耐熱及耐磨之塑料部件；
Các loại chi tiết nhựa chất lượng cao: Các bộ truyền động chính xác, các chi tiết có độ bền và tuổi thọ cao, chịu nhiệt và chịu mài mòn bằng nhựa;

附錄 1：優先發展之輔助工業產品清單

Phụ lục 1: Danh Mục Sản Phẩm Công Nghiệp Hỗ Trợ Ưu Tiên Phát Triển

- 各種傳感器：氣體傳感器、加速傳感器、磁場傳感器；生物傳感器、溫度傳感器、濕度傳感器、光傳感器、壓力傳感器等等；
Cảm biến các loại: Cảm biến khí, cảm biến gia tốc, cảm biến từ trường; cảm biến sinh học, cảm biến nhiệt độ, cảm biến độ ẩm, cảm biến ánh sáng, cảm biến áp suất....;
- 各種新一代電機：電機、磁力驅動電機、伺服電機（步進電機）、磁阻電機、直線電機；
Các loại động cơ thế hệ mới: Động cơ điện, động cơ ô từ, động cơ servo (động cơ bước), động cơ từ kháng, động cơ tuyến tính;
- 高精密度執行器。
Các cơ cấu chấp hành có độ chính xác cao.

附錄 2：卷宗成份及各送件步驟

Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

確認生產輔助工業產品預案優惠之卷宗

Hồ sơ xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ

卷宗數量：06 份（01 份正本及 05 份複印本）。其中，卷宗必須獲密封及封面必須註明申請優惠組織、個人之相關信息。若預案變更適用投資優惠之條件則寄補充資料（有變更部分之內容）到權責機關以供審查。

Số lượng hồ sơ: 06 bản (01 bản chính và 05 bản sao). Trong đó, hồ sơ phải được niêm phong và ghi rõ bên ngoài các thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký xin ưu đãi. Trường hợp các dự án có thay đổi về điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư thì gửi hồ sơ bổ sung (nội dung phần thay đổi) tới cơ quan có thẩm quyền để xem xét.

卷宗成份

Thành phần hồ sơ

1. 按照範本之申請確認優惠文件；

Văn bản đề nghị xác nhận ưu đãi theo mẫu;

2. 企業註冊確認書/營業註冊確認書；

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. 預案之說明：

Thuyết minh dự án:

- 若預案獲首次落實或獨立營運：投資（預案）報告；

Trường hợp dự án được thực hiện lần đầu hoặc hoạt động độc lập: Báo cáo (dự án) đầu tư;

- 若預案正在生產：

Trường hợp dự án đang sản xuất:

附錄 2：卷宗成份及各送件步驟

Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

+ 說明生產流程、基礎設施（廠房）、機器設備（各主要工段符合單位產品及正生產規模之專業機器設備清單及功率；測量、品檢設備等等）；生產功率；申請確認優惠文件前最近年度之獨立審計報告（或財務報告）；
Thuyết minh hiện trạng quy trình sản xuất, cơ sở vật chất (nhà xưởng), máy móc thiết bị (bảng kê danh mục và công suất máy móc, thiết bị chuyên ngành cho các công đoạn chính phù hợp với sản phẩm và quy mô đang sản xuất của cơ sở; thiết bị đo lường, kiểm tra chất lượng...); công suất sản xuất; Báo cáo kiểm toán độc lập năm gần nhất trước thời điểm nộp hồ sơ xin xác nhận ưu đãi (hoặc báo cáo tài chính);

+ 說明投資擴大規模、創新工藝有應用新設備、新生產流程以增加生產能力最少 20%。
Thuyết minh đầu tư mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ có ứng dụng thiết bị mới, quy trình sản xuất mới với năng lực sản xuất tăng ít nhất 20%.

4. 依環保法規定核閱環評報告之決定書（對於新投資預案）或環保切結書或工程完成之確認書（對於正在營運之預案）。
Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án đầu tư mới) hoặc cam kết bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật bảo vệ môi trường hoặc xác nhận hoàn thành công trình, biện pháp bảo vệ môi trường (đối với dự án đang hoạt động).
5. 符合歐盟技術標準之確認書（各標準由歐洲標準化委員會頒行）或依商品產品質量法律規定獲許可營運之認證組織核發之相當認證（若有）。
Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu (các tiêu chuẩn do Ủy ban tiêu chuẩn hóa Châu Âu CEN ban hành) hoặc tương đương (nếu có) do tổ chức chứng nhận được phép hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa cấp.

附錄 2：卷宗成份及各送件步驟

Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

優惠確認手續

Thủ tục xác nhận ưu đãi

第 1 步：送件

Bước 1: Nộp hồ sơ

企業直接送件或經郵電或線上送件到以下機關：

Doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến tới cơ quan dưới đây:

- 對於中小企業生產屬於優先發展輔助工業產品清單之輔助工業產品各預案：送件於設置預案當地之權責機關或工商部。企業僅可送件於一個機關，當地之權責機關寄優惠確認書決定至工商部；

Các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa: nộp hồ sơ tại cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi đặt dự án hoặc Bộ Công Thương. Doanh nghiệp chỉ được nộp hồ sơ tại một cơ quan, cơ quan có thẩm quyền của địa phương gửi Quyết định xác nhận ưu đãi tới Bộ Công Thương;

- 餘下各對象：送件到工商部。

Các đối tượng còn lại: nộp hồ sơ tại Bộ Công Thương.

在05個工作天期限內，權責機關檢查卷宗之合規性、足夠性。若卷宗不足够及不合規，權責機關以書面通知組織、個人以補充、完整卷宗。

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

附錄 2：卷宗成份及各送件步驟

Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

第 2 步：審定卷宗

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

在 15 個工作天期限內，權責機關進行審定卷宗內容，若必要將在單位作實際檢查並最遲於 30 個工作天後必須以書面通知優惠確認書結果。權責機關依以下各內容審定卷宗：

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền tiến hành thẩm định nội dung hồ sơ, trường hợp cần thiết sẽ kiểm tra thực tế tại cơ sở và phải có văn bản thông báo kết quả xác nhận ưu đãi chậm nhất sau 30 ngày làm việc. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ theo các nội dung sau:

- 生產預案對政府 2015/11/03 第 111/2015/NĐ-CP 號議定有關發展輔助工業之符合性。
Sự phù hợp của dự án sản xuất đối với các quy định tại Nghị định số 111/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.
- 預案之法理手續。
Thủ tục pháp lý của dự án.
- 適用各技術-工藝於生產預案之可行性、合理性。
Tính khả thi, hợp lý của các giải pháp kỹ thuật – công nghệ áp dụng trong sản xuất của dự án.
- 預案之財務能力、投資效益。
Năng lực tài chính, hiệu quả đầu tư của dự án.
- 預案對環保各條件之因應能力。
Khả năng đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường của dự án.

附錄 2：卷宗成份及各送件步驟

Phụ Lục 2: Thành phần hồ sơ và các bước nộp hồ sơ

第 3 步：確認優惠

Bước 3: Xác nhận ưu đãi

落實預案當地之權責機關或工商部確認優惠對於中小企業生產屬於優先發展輔助工業產品清單之輔助工業產品各預案。

Cơ quan có thẩm quyền của địa phương nơi thực hiện dự án hoặc Bộ Công Thương xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

工商部確認優惠對於生產屬於優先發展輔助工業產品清單之輔助工業產品預案之餘下各對象。

Bộ Công Thương xác nhận ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển cho các đối tượng còn lại.

根據企業之申請確認優惠卷宗；在 30 個工作天期限內，確認機關有責任向企業通知結果。

Căn cứ hồ sơ đề nghị xác nhận ưu đãi của doanh nghiệp; trong thời hạn 30 ngày làm việc, cơ quan xác nhận có trách nhiệm thông báo kết quả cho doanh nghiệp.

Số: 57/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP
(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP)
về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất
sản phẩm công nghiệp hỗ trợ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Điều 1. Bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ như sau:

“g) Doanh nghiệp có dự án đầu tư (đầu tư mới và đầu tư mở rộng) sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển, thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2015, đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

g1) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thì được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự

án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g2) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đã hưởng hết ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g3) Trường hợp doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ mà thu nhập từ dự án này đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ) thì được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

g4) Cách xác định thời gian ưu đãi còn lại nêu tại điểm g2 và g3 điểm này:

Thời gian ưu đãi còn lại được xác định bằng thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi số năm miễn thuế, số năm giảm thuế, số năm hưởng thuế suất ưu đãi đã được hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác, cụ thể như sau:

- Thời gian miễn thuế còn lại bằng thời gian miễn thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian miễn thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian giảm thuế còn lại bằng thời gian giảm thuế theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian giảm thuế đã hưởng ưu đãi theo điều kiện ưu đãi khác;

- Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi còn lại bằng thời gian ưu đãi thuế suất theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trừ đi thời gian ưu đãi thuế suất đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác (nếu có).

g5) Các ví dụ cụ thể:

Ví dụ 1: Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế. Trong kỳ tính thuế năm 2011, dự án phát sinh doanh thu và thu nhập chịu thuế. Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2016, thu nhập từ dự án chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong kỳ tính thuế năm 2017, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mở rộng sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành kể từ kỳ tính thuế năm 2017. Thời gian ưu đãi được hưởng được xác định như sau: miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm tính

từ kỳ tính thuế năm 2017 đến năm 2020, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo tính từ kỳ tính thuế năm 2021.

Ví dụ 2: Năm 2010, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn Khu công nghiệp (không thuộc địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và đô thị loại I trực thuộc tỉnh, các quận, đô thị này không bao gồm các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009). Trong kỳ tính thuế năm 2011, dự án phát sinh doanh thu. Trong kỳ tính thuế năm 2012, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế. Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp theo quy định của Luật số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thời gian còn lại từ năm 2015 (miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 04 năm tiếp theo cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015). Như vậy doanh nghiệp còn được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 3 năm (từ năm 2015 đến năm 2017). Đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng hết ưu đãi theo điều kiện địa bàn khu công nghiệp.

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được lựa chọn hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Ví dụ 3: Năm 2014, doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Trong kỳ tính thuế năm 2014, dự án phát sinh doanh thu. Trong kỳ tính thuế năm 2015, dự án phát sinh thu nhập chịu thuế. Dự án được hưởng ưu đãi theo điều kiện địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, cụ thể: thuế suất 20% trong thời gian 10 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2014 (kể từ kỳ tính thuế 2016 áp dụng thuế suất 17%); miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế 2015, giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Tính đến hết kỳ tính thuế năm 2017, dự án đã hưởng ưu đãi: số năm thuế suất ưu đãi 04 năm, số năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm, số năm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 01 năm.

Trong kỳ tính thuế năm 2018, dự án được cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, dự án được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2018. Thời gian ưu đãi còn lại được xác định như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 11 năm kể từ kỳ tính thuế năm 2018; miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm tính từ kỳ tính thuế năm 2018, giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 08 năm tiếp theo.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Trường hợp thực hiện theo quy định tại Nghị định này (kể cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện thanh tra, kiểm tra) dẫn đến giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền chậm nộp (nếu có) thì người nộp thuế có văn bản đề nghị gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp điều chỉnh giảm số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã thực hiện kê khai hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và tiền chậm nộp tương ứng (nếu có). Sau khi điều chỉnh giảm mà có số tiền thuế, tiền chậm nộp nộp thừa thì thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). **444**

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Minh Khái



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com

www.everwin-group.com

Think for you Do for you
為您思考 用心服務

